ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 611 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 11 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29/11/2024;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1575/QĐ-UBND ngày 11/9/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 34/TTr-SXD ngày 10/3/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc như sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp, mở rộng Trường THPT Cao Lộc.

2. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng: trong khuôn viên khu đất hiện trạng và phần diện tích đất quy hoạch mở rộng Trường THPT Cao Lộc (địa chỉ: tại đường Khòon Cuổng, thị trấn Cao Lộc, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn).

3. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

4. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án xây dựng tỉnh Lạng Sơn.

5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Lạng Sơn.

6. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: dự án nhóm C,

loại công trình dân dụng, cấp II.

7. Mục tiêu dự án: ưu tiên đầu tư cho trường đủ 40 lớp học; đủ các phòng học bộ môn yêu cầu; xây mới thư viện đạt chuẩn. Mở rộng đất trường và quy hoạch xây dựng tổng mặt bằng hợp lý phù hợp với quy hoạch, ưu tiên sân thể thao, bãi tập cho học sinh phát triển về thể chất.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

a. Bồi thường, giải phóng mặt bằng, diện tích 4.055m^2 (trong đó: 4.034,7m^2 đất nông nghiệp và 20,3m^2 đất ở).

b. Xây mới 01 nhà lớp học cao 4 tầng diện tích xây dựng 758m^2, tổng diện tích sàn 2.986m^2.

c. Cải tạo nhà lớp học 03 tầng hiện trạng, diện tích xây dựng 399m^2, tổng diện tích sàn 1.191m^2.

d. Các hạng mục phụ trợ: san nền, sân bê tông; tường rào, kè đá, tường chắn đất, nhà máy bơm.

đ. Hệ thống hạ tầng kỹ thuật ngoài nhà: cống thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, phòng chống mối công trình.

9. Các giải pháp kỹ thuật của công trình thuộc dự án

9.1. Thiết kế tổng mặt bằng: tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 13.999,3m^2, bố trí các công trình xây dựng mới như sau:

a. Nhà lớp học cao 4 tầng bố trí trên phần diện tích đất mở rộng, tại góc Tây Nam khu đất dự án, mặt đứng chính hướng Tây Bắc, đặt song song và cách nhà lớp học 03 tầng cải tạo 8,0m.

b. Bể nước ngầm 135m^3 và nhà đặt máy bơm tại vị trí phía Nam khu đất dự án, đặt phía sau nhà lớp học 03 tầng cải tạo 8,0m.

c. Tường rào, kè đá bố trí dọc theo ranh giới khu đất mở rộng.

Các chỉ tiêu quy hoạch khu đất xây dựng công trình đạt được: mật độ xây dựng 34,27%, hệ số sử dụng đất 0,71 lần, tầng cao tối đa 04 tầng, khoảng lùi công trình (tiếp giáp đường nối Quốc lộ 1A và đường Khòon Cuổng 4m).

9.2. Nhà lớp học 04 tầng xây mới

a. San nền tạo mặt bằng xây mới nhà lớp học 04 tầng:

- Tổng diện tích san nền: 3.578,92m^2, trước khi san nền đào lớp đất mầu đi đổ, diện tích 3578,92m^2, tổng khối lượng đào đổ đi 1.078,67m^3; tổng khối lượng đắp nền 9.830,77m^3 (trong đó đất tận dụng 1.040m^3, đất vận chuyển về đắp 7.890,77m^2).

- Cao độ thiết kế san nền: +269.90m; hướng dốc san nền từ Đông sang Tây, độ đốc san nền 1,5%.

b. Thiết kế kiến trúc:

- Công trình cao 04 tầng, có mặt bằng nhà hình chữ L, diện tích xây dựng

758m^2, tổng diện tích sàn 2.986m^2. Khối cạnh ngắn có kích thước phủ bì (10,12x19,5)m, khối vuông cạnh dài có kích thước phủ bì (10,12x53,32)m. Chiều cao công trình 17,55m, trong đó: chiều cao tôn nền 0,45m, từ tầng (1-4) cao 3,6m, mái dốc lợp tôn cao 2,4m. Giao thông trong nhà: công trình gồm 03 cầu thang đặt tại các vị trí trục (A-C2) đoạn (1-2) rộng 3,08m, trục (A-C) đoạn (10-11) và trục (H-I) đoạn (15-18) rộng 3,68m; hành lang giao thông chính bố trí mặt trước nhà tại vị trí các trục (C-D) đoạn (1-18) và trục (14-15) đoạn (D-I) rộng 2,4m.

- Công năng sử dụng:

+ Mặt bằng tầng 1 bố trí các phòng: 02 phòng học thường 57m^2; 01 phòng học bộ môn hóa rộng 76m^2 (có phòng chuẩn bị 10m^2); 01 phòng bộ môn công nghệ rộng 91m^2 (có phòng chuẩn bị 12m^2); 01 phòng học bộ môn sinh học rộng 76m^2 (có phòng chuẩn bị 12m^2); 01 phòng nghỉ cho giáo viên rộng 25m^2.

+ Mặt bằng tầng 2 bố trí các phòng: 02 phòng học thường 57m^2; 01 phòng học bộ môn hóa học rộng 76m^2 (có phòng chuẩn bị 10m^2); 01 phòng bộ môn mỹ thuật rộng 91m^2 (có phòng chuẩn bị 12m^2); 01 phòng học âm nhạc 91m^2 (có phòng chuẩn bị 10m^2); và 01 phòng chờ cho giáo viên rộng 19m^2.

+ Mặt bằng tầng 3 bố trí các phòng: 02 phòng học thường 57m^2; 02 phòng học bộ môn tin học rộng 77m^2 và 79m^2; 01 phòng bộ môn vật lý 76m^2 (có phòng chuẩn bị 10m^2) và 01 phòng bộ môn khoa học xã hội rộng 61m^2.

+ Mặt bằng tầng 4 bố trí các phòng: 02 phòng học thường 57m^2; 01 phòng học bộ môn ngoại ngữ rộng 76m^2; thư viện trường 221m^2 (gồm kho + phòng đọc sách của học sinh rộng 191m^2, phòng đọc cho giáo viên rộng 30m^2).

c. Thiết kế kết cấu:

- Phần móng: sử dụng móng cọc bê tông cốt thép mác 300, tiết diện cọc (250x250)mm; trụ móng và kết cấu bê tông cốt thép phần móng mác 250; đài cọc điển hình (1,5x2,25)m, (1,5x1,5)m, (1,525x2,25)m, (1,5x0,75)m; lót móng bằng bê tông xi măng mác 150.

- Phần thân: hệ cột, dầm, sàn bằng bê tông cốt thép mác 250; cột điển hình tiết diện (22x22)cm, (22x45)cm; dầm điển hình tiết diện (22x65)cm, (22x35)cm; sàn các tầng dày 11cm; kết cấu đỡ mái bằng xà gồ thép hộp (80x40x2)mm gác lên tường thu hồi.

d. Thiết kế hoàn thiện: nền nhà, hành lang và sàn các tầng lát gạch Ceramic. Tường trong và ngoài nhà trát bằng vữa xi măng cát mác 50; cột, dầm, trần, má cửa trát bằng vữa xi măng cát mác 75, dày 1,5cm. Bục giảng bên trong lớp học đắp cát tôn nền dày 15cm, láng vữa xi măng mác 75 dày 2cm, mặt bậc granito dày 3cm. Bậc cầu thang lát đá Granite màu tối. Đường dốc cho người khuyết tật đổ nền bê tông đá 2x4 mác 200 dày 100mm, bề mặt láng granito, khía rãnh chống trơn. Bậc tam cấp ngoài nhà xây gạch không nung bằng vữa xi măng mác 50, mặt bậc mài granito dày 2cm. Lắp đặt cửa đi, cửa sổ toàn nhà bằng cửa sắt sơn tĩnh điện, kính trắng dày 5mm (trừ cửa đi các phòng vệ sinh sử dụng cửa

kính khung nhôm hệ 55mm, kính trắng an toàn dày 6,38mm), hoa sắt cửa sổ bằng inox vuông kích thước (12,7x12,7x1)mm. Trong và ngoài nhà lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ. Lan can cầu thang, đường dốc bằng thép đen, sơn chống rỉ 03 nước (02 nước lót, 01 phủ).

đ. Thiết kế cấp điện, chiếu sáng

- Thiết kế cấp điện: nguồn điện được lấy từ Trạm biến áp Cao Lộc 3 bằng dây cáp vặn xoắn loại AL/XLPE (4x120)mm^2 đi nổi trên cột điện số 1-4 hiện trạng bê tông đến cột điện bê tông ly tâm số 05 ngoài nhà; từ cột số 05 ngoài nhà dùng dây cáp đồng CU/XLPE/DSTA/PC (4x95)mm^2 luồn trong ống nhựa D130/100 đi ngầm đất đến tủ điện tổng toàn nhà; từ tủ điện tổng tới tủ điện các tầng sử dụng dây cáp lõi đồng CU/XLPE/PVC (3x25+1x16)+E25mm^2 và CU/XLPE/PVC (3x16+1x10)+E16mm^2; dây dẫn đến các tủ điện phòng sử dụng dây dẫn CU/XLPE/PVC (2x10)+Ex10mm^2 và CU/XLPE/PVC (2x4)+Ex4mm^2; đến các máy điều hòa sử dụng dây dẫn CU/XLPE/PVC (2x4)+Ex4mm^2; từ tủ phòng đến các ổ cắm dùng dây CU/PVC (2x2,5)+E1x2,5mm^2, đến các thiết bị chiếu sáng và quạt dùng dây PVC (2x1,5)mm^2. Chiếu sáng ngoài nhà bằng đèn cao áp bóng led công suất 150W, cần đèn sắt ống D60 dài 1,2m; chiếu sáng các phòng bằng đèn tuyp đôi, đèn tuyp đơn dài 1,2m, chiếu sáng hành lang bằng bóng đèn ốp trần 18W; thông gió nhân tạo dùng quạt trần sải cánh 1,4m công suất 75W.

- Thiết kế cấp điện nhẹ: nguồn tín hiệu được lấy từ nguồn cấp từ nhà cung cấp dịch vụ viễn thông đến tủ tổng đặt tại tầng 1 bằng dây mạng APM CAT6 4 đôi dùng cho mạng Internet; từ tủ điện tổng dùng dây mạng APM CAT6 4 đôi dùng cho mạng Internet luồn trong ống nhựa D20 đi ngầm tường đến các ổ cắm mạng đặt tại các phòng.

e. Thiết kế chống sét: sử dụng kim thu sét bằng thép tròn đường kính d=16mm dài 1,5m đặt trên đỉnh mái công trình; dây hàn nối các đầu xà gồ, dây dẫn sét dùng thép tròn, đường kính d=10mm; cọc tiếp địa sử dụng thép hình L(63x63x6)mm dài 2,5m; dẫn thoát sét bằng dây đồng trần đường kính d=50mm, luồn trong ống nhựa PVC đi ngầm; điện trở nối đất Rnđ ≤ 10Ω.

g. Thiết kế cấp, thoát nước:

- Cấp nước: nguồn nước cấp cho công trình lấy từ nguồn cấp nước hiện trạng vào bể chứa nước xây mới (dung tích 135m^3); từ bể chứa nước dùng máy bơm nước tự động bơm lên 02 téc chứa nước 2m^3 đặt trên sàn mái bằng ống nhựa PP-R d=32mm; từ téc chứa nước cấp xuống cho các thiết bị vệ sinh bằng ống nhựa đường kính d=40mm, d=32mm, d=25mm; hệ thống đường ống và phụ kiện sử dụng ống nhựa hàn nhiệt PP-R đi ngầm trong tường.

- Thoát nước:

+ Nước mưa từ mái chảy xuống sê nô và được thu bởi đường ống nhựa PVC đường kính d=90m dẫn xuống hệ thống thoát nước xung quanh nhà. Từ hệ thống thoát nước xung quanh nhà nước được thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Nước thu sàn, nước từ các lavabo nhà vệ sinh được thoát ra bể tự ngấm ngoài nhà bằng ống nhựa PVC d=110mm. Nước xí, tiểu được thu bằng ống nhựa PVC d=110mm vào bể tự hoại ngoài nhà, thu nước tập trung tại hố ga thu nước sau nhà, sau đó dẫn vào bể xử lý nước thải (bể lọc) và được đấu nối vào hệ thống thoát nước chung khu vực bằng ống nhựa PVC d=110mm.

+ Bể chứa nước kết hợp nhà chứa máy bơm: bể ngầm, kích thước bể (14x4x3,65)m; đáy bể, thành bể, mặt bể bằng bê tông cốt thép mác 300; đáy bể, thành bể dày 250mm, mặt bể dày 200mm.

- Nhà đặt máy bơm: Nhà chứa máy bơm đặt trên mặt bể, kích thước mặt bằng hình chữ nhật, kích thước tim tường (3,75x3,5)m, cao 3,05m; tường bào xây gạch không nung bằng vữa xi măng mác 75, trát tường bằng vữa xi măng mác 50, dày 2cm, quyét vôi ve hoàn thiện 03 lớp; nền nhà láng vữa xi măng mác 75m dày 3cm, đánh màu; sàn mái bằng bê tông cốt thép dày 10cm, trát trần bằng vữa xi măng mác 75 dày 1,5cm; cửa đi, cửa sổ toàn nhà bằng cửa kính thép hộp (30x60x1,2)mm, huỳnh tôn dày 2mm, hoa sắt cửa sổ bằng thép vuông đặc (12x12)mm sơn tĩnh điện.

h. Thiết kế phòng chống mối công trình:

- Hàng ràp phòng mối bên ngoài và bên trong công trình: tạo hào chống mối bên ngoài rộng 0,4m, sâu 0,6m và hào chống mối bên trong công trình rộng 0,4m, sâu 0,4m bao quanh liên tục theo tường móng. Hào phải chạy liên tục, đồng đều, sát móng chân tường. Xử lý thuốc phòng chống mối bằng dung dịch MAP BOXER 30EC, định mức 15 lít/m^3.

- Phòng chống mối mặt nền công trình: phun thuốc chống mối MAP BOXER 30EC trực tiếp lên bề mặt lớp đất nền. Định mức xử lý: 3 lít/m^2. Sau đó đổ bê tông lót để bảo vệ dung dịch và tạo phẳng nền.

9.3. Cải tạo nhà lớp học 03 tầng cải tạo:

a. Tường nhà

- Tầng 1: phá dỡ tường xây gạch tại vị trí trục 21(D-E), mở lối đi ra sân sau nhà; trát lại bằng vữa xi măng cát mác 50, lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Tầng 2: phá dỡ tường ngăn phòng xây gạch dày 220mm tại vị trí trục N(19-21); phá dỡ tường ngăn vệ sinh dày 110mm tại vị trí trục (N-P) (20-21) để mở rộng phòng học bộ môn; phá dỡ tường xây gạch tại chiếu nghỉ trục 21(D-E) mở lối thông sang chiếu nghỉ cầu thang nhà lớp học 04 tầng xây mới; trát lại tường bằng vữa xi măng cát mác 50. Cạo bỏ toàn bộ phần sơn cũ hiện trạng phòng học mở rộng trục (L-P) (19-21), lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

- Tầng 3: phá dỡ tường ngăn phòng xây gạch dày 220mm tại vị trí trục N(19-21); phá dỡ tường ngăn vệ sinh dày 110mm tại vị trí trục (N-P) (20-21); phá dỡ tường ngăn lớp học dày 110mm tại vị trí trục K(20-21) để mở rộng các phòng học bộ môn; trát lại tường bằng vữa xi măng cát mác 50. Cạo bỏ toàn bộ phần sơn cũ hiện trạng phòng học mở rộng trục (G-P) (19-21), lăn sơn 1 nước lót, 2 nước phủ.

b. Nền nhà:

- Tầng 1: phá dỡ nền lát gạch hiện trạng, diện tích 10m^2; đổ bê tông nền mác 150, đá 1x2, PCB40 tạo đường dốc, bề mặt láng granito, khía rãnh chống trơn.

- Tầng 2 và 3: phá dỡ nền lát gạch hiện trạng tại vị trí trục (N-P) (19-21), lát lại bằng gạch lát đồng bộ kích thước (400x400)mm, vữa lót xi măng mác 75.

9.4. Thiết kế phòng cháy chữa cháy cho các công trình

a. Hệ thống họng nước chữa cháy ngoài nhà: bố trí 01 trụ chữa cháy 03 của đường kính D100 kết nối với điểm đấu nối cấp nước đã có của khu vực để giảm lưu lượng nước cho trụ chữa cháy ngoài nhà và bể chứa nước trong hệ thống phòng cháy chữa cháy của công trình; để đảm bảo chữa cháy cho bên ngoài công trình ngăn không cho đám cháy lan rộng sang các khu vực xung quanh công trình bố trí 01 trụ tiếp nước và 03 trụ cấp nước 2 cửa ngoài nhà đường kính D65 đặt tại khuôn viên trường và phía ngoài nhà lớp học xây mới 04 tầng.

b. Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: bố trí các họng chữa cháy trong nhà D50 tại vị trí 03 cầu thang bộ của nhà đảm bảo bán kính bảo vệ của mỗi lăng phun của mỗi hộp cấp nước vách tường không quá 20m và bất kỳ điểm nào cũng có 2 vòi phun tới. Các hộp chữa cháy vách tường có thành hộp được làm bằng tôn không gỉ và phủ 2 lớp sơn đỏ tĩnh điện, mặt trước hộp được làm bằng kính đảm bảo mỹ quan và phù hợp với kiến trúc công trình.

c. Hệ thống báo cháy tự động: sử dụng đầu báo khói cho toàn bộ công trình (bao gồm nhà lớp học xây mới: 60 cái, nhà hiệu bộ: 14 cái; nhà lớp học hiện trạng: 79 cái; nhà ở học sinh chuyển đổi công năng sử dụng: 8 cái). Tủ trung tâm báo cháy 15 kênh được đặt ở nhà bảo vệ, các đầu báo khói được kết nối với tủ trung tâm bằng dây tín hiệu sử dụng dây 2x0,75mm^2 luồn trong ống gen nhựa chống cháy đi ngầm tường.

d. Hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn: hệ thống đèn chỉ lối thoát và chiếu sáng sự cố được bố trí phía trên cửa các phòng và hành lang, cầu thang các tầng. Đèn chiếu sáng sự cố và chỉ lối thoát nạn có nguồn dự phòng đảm bảo thời gian hoạt động tối thiểu 2h.

9.5. Giải pháp thiết kế các hạng mục phụ trợ

a. Tường rào: phá dỡ tường rào xây gạch hiện trạng phía sau nhà lớp học B2 hiện trạng dài 63m; xây mới tường rào dài 212m bao quanh khuôn viên mở rộng bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50 dày 110mm; bổ trụ 220mm cao 1,8m; chiều cao bằng tường gạch hiện trạng 1,6m; chân tường có giằng bê tông cốt thép xây trên kè đá và tường bó nền xây mới. Trát tường bằng vữa xi năng mác 50 và quét vôi ve 03 lớp mặt ngoài.

b. Kè đá: xây kè bằng đá hộc vữa xi măng mác 100, thân kè đặt ống thoát nước đường kính D60, khoảng cách đặt A=1,5m đặt so le, bê tông lót đá 2x4 mác 150.

c. Tường chắn đất: xây bằng gạch không nung vữa xi măng mác 50, trát

tường bằng vữa xi măng mác 75, bê tông lót đá 2x4 mác 150.

d. Cống hộp bê tông cốt thép: lắp đặt cống bê tông cốt thép đúc sẵn kích thước (3x3)m, tổng chiều dài 70m; xây miệng cống, thành cống bằng đá hộc, vữa xi măng mác 100, chít vữa xi măng mác 75 tại các mối nối cống.

đ. Sân bê tông: bê tông nền đá 1x2 mác 200 dày 100mm, rải bạt chống thấm trước khi đổ bê tông, tổng diện tích sân bê tông làm mới là 1.720m^2.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo Quyết định này.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn

a) Số bước thiết kế: 02 bước.

b) Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- QCXD 05:2008/BXD Quy chuẩn quốc gia về nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe.

- QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng.

- QCVN 18:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

- QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng.

- QCVN 02:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng.

- QCVN 03:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng.

- QCVN 06:2022/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình; Sửa đổi 01:2023 QCVN 06:2022/BXD.

- QCVN 10:2024/BXD ngày 01/8/2024 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình bảo đảm tiếp cận sử dụng.

- TCVN 8794:2011 trường trung học - yêu cầu thiết kế.

- TCVN 4319:2012 Nguyên tắc thiết kế nhà và công trình công cộng.

- TCVN 9632:2012 Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình.

- TCVN 2737:2023 Tải trọng và tác động - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5573:2011 Kết cấu gạch đá, gạch đá cốt thép-Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông cốt thép.

- TCVN 5575:2024 Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9385-2012: Chống sét cho công trình xây dựng - hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.

- TCVN 7114:2008 ISO 8995 Ecgônômi - Chiếu sáng nơi làm việc.

- TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà và công trình công cộng- Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 9207:2012 Đặt dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng.

- TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong - Tiêu chuẩn thiết kế.

- TCVN 4513: 1988 Cấp nước bên trong - tiêu chuẩn thiết kế.

- TCXDVN 33:2006 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thết kế.

- TCXDVN 51:2008 Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài.

- TCVN 5687:2024 Thông gió và điều hòa không khí - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 3890: 2023 Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí.

- TCVN 5738: 2021 Hệ thống báo cháy tự động - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 2622:1995 Phòng cháy chữa cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế.

- TCVN 6379:1998 Thiết bị chữa cháy - Trụ nước chữa cháy - Yêu cầu kỹ thuật.

- TCVN 8268:2017 Phòng chống mối cho công trình xây dựng đang sử dụng.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: 34.580.000.000 đồng, trong đó:

- Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng: 1.111.402.900 đồng;
- Chi phí xây dựng : 26.872.435.878 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 702.836.346 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư: 3.043.372.368 đồng;
- Chi phí khác: 381.571.500 đồng;
- Chi phí dự phòng : 2.468.381.008 đồng.

13. Tiến độ thực hiện dự án: năm 2025-2027.

14. Nguồn vốn đầu tư: Nguồn vốn đầu tư công ngân sách tỉnh.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: chủ đầu tư tự thực hiện quản lý dự án.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Xây dựng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính hợp pháp, sự đầy đủ và chính xác của nội dung, hồ sơ trình phê duyệt.

2. Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (Chủ đầu tư) có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các bước tiếp theo của dự án theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KTCN(CVĐ).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đương Xuân Huyên